

## BÁO CÁO

### CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3 TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017 THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ THUỘC THẨM QUYỀN CỦA ĐHĐCĐ

#### *Căn cứ:*

- Nghị quyết số 01/NQ-SD3-ĐHĐCĐ ngày 12/04/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016;
- Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty cổ phần Sông Đà 3;
- Các chỉ tiêu phản ánh trên báo cáo tài chính năm 2016 của đơn vị đã được kiểm toán do Công ty TNHH Kiểm toán An Việt – Chi nhánh Hải Phòng;
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty cổ phần Sông Đà 3 đã được Tổng công ty Sông Đà thông qua.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 3 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua các vấn đề cụ thể như sau:

#### **I. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2016:**

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016		
			Kế hoạch	Thực hiện	
				Tổng cộng	Công ty mẹ
<b>A</b>	<b>GIÁ TRỊ SXKD</b>				
<b>I</b>	<b>Tổng giá trị SXKD</b>	10 <sup>6</sup> đ	379.500	602.829	479.950
1	Xây lắp	10 <sup>6</sup> đ	291.500	477.650	477.650
2	Phục vụ xây lắp	10 <sup>6</sup> đ	4.000	2.300	2.300
3	Sản xuất công nghiệp	10 <sup>6</sup> đ	84.000	122.879	
<b>II</b>	<b>Giá trị tài chính</b>				
1	Doanh thu	10 <sup>6</sup> đ	460.200	554.412	442.704
2	Nộp ngân sách	10 <sup>6</sup> đ	30.100	31.327	22.110
3	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>6</sup> đ	17.500	15.426	2.056
4	Lợi nhuận sau thuế	10 <sup>6</sup> đ	14.000	13.655	1.601

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016		
5	Vốn chủ sở hữu	10 <sup>6</sup> đ	510.245	508.733	284.925
6	Vốn điều lệ	10 <sup>6</sup> đ	159.994	159.994	159.994
7	Tổng tài sản	10 <sup>6</sup> đ	1.724.600	1.664.565	1.099.444
8	Thu nhập bq CBCNV	10 <sup>3</sup> đ	7.600	8.078	7.946
<b>B</b>	<b>GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ</b>	<b>10<sup>6</sup>đ</b>	<b>101.628</b>	<b>40.537</b>	
<b>1</b>	<b>Công ty mẹ</b>				
-	Đầu tư Nâng cao năng lực TBXM	10 <sup>6</sup> đ	23.700	-	
<b>2</b>	<b>Công ty con</b>				
-	Công ty CP TĐ Sông Đà 3 Đắk Lô	10 <sup>6</sup> đ	77.928	40.537	

## II. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2017:

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2017	
			Tổng số	Công ty mẹ
<b>A</b>	<b>KẾ HOẠCH SXKD</b>			
<b>I</b>	<b>Tổng giá trị SXKD</b>	<b>10<sup>6</sup>đ</b>	<b>406.000</b>	<b>294.000</b>
1	Giá trị xây lắp	10 <sup>6</sup> đ	292.000	292.000
2	Phục vụ xây lắp	10 <sup>6</sup> đ	2.000	2.000
3	Giá trị kinh doanh sản phẩm công nghiệp	10 <sup>6</sup> đ	112.000	
<b>II</b>	<b>Kế hoạch tài chính</b>			
1	Doanh thu	10 <sup>6</sup> đ	459.036	357.268
2	Tổng chi phí	10 <sup>6</sup> đ	439.973	348.337
3	Nộp ngân sách nhà nước	10 <sup>6</sup> đ	26.526	13.468
4	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>6</sup> đ	19.104	8.932
5	Lợi nhuận sau thuế	10 <sup>6</sup> đ	17.327	7.145
6	Hiệu quả sử dụng vốn			
-	Lợi nhuận cận biên	%	4,2	2,5
-	Lợi nhuận sau thuế/VĐL (Công ty mẹ)	%	10,8	4,5
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	%	5,7	2,4
-	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,2	0.8
7	Tài sản cố định và khấu hao TSCĐ			



TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2017	
			Tổng số	Công ty mẹ
	Số tiền khấu hao TSCĐ	10 <sup>6</sup> đ	43.176	9.900
	Tỷ lệ khấu hao TSCĐ	%	5,08	10,28
	Giá trị tài sản cố định còn lại	10 <sup>6</sup> đ	799.641	46.120
8	Nợ phải trả	10 <sup>6</sup> đ	1.144.349	638.826
9	Vay và trả nợ trung dài hạn			
	Tổng mức vay trung dài hạn	10 <sup>6</sup> đ	182.110	15.110
	Trả nợ vay trung dài hạn trong kỳ	10 <sup>6</sup> đ	11.610	10.100
	Nợ vay trung dài hạn cuối kỳ	10 <sup>6</sup> đ	616.683	20.588
10	Nợ vay ngân hàng	10 <sup>6</sup> đ	776.699	180.604
	Nợ vay ngắn hạn	10 <sup>6</sup> đ	160.016	160.016
	Nợ vay trung dài hạn	10 <sup>6</sup> đ	616.683	20.588
11	Vốn chủ sở hữu	10 <sup>6</sup> đ	305.435	291.957
12	Vốn điều lệ (Công ty mẹ)	10 <sup>6</sup> đ	159.994	159.994
13	Tổng tài sản	10 <sup>6</sup> đ	1.449.785	930.783
14	Hệ số nợ phải trả/VCSH	Lần	3,75	2,19
15	Hệ số vay ngân hàng/VCSH	Lần	2,54	0,62
16	Tỷ lệ cổ tức (dự kiến)	%		4%
B	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ	10 <sup>6</sup> đ	59.396	21.586

### III. Thông qua báo cáo tài chính và phương án phân phối lợi nhuận năm 2016:

#### 3.1. Thông qua báo cáo tài chính năm 2016 với các chỉ tiêu chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	
			Số 01/01/2016	Số 31/12/2016
1	Tổng tài sản	10 <sup>6</sup> đ	1.068.988	1.099.444
3	Tổng nợ phải trả	10 <sup>6</sup> đ	777.251	814.519
a	Vay và nợ ngắn hạn	10 <sup>6</sup> đ	761.743	809.180
b	Nợ dài hạn	10 <sup>6</sup> đ	15.509	5.339
4	Vốn chủ sở hữu	10 <sup>6</sup> đ	291.736	284.925
a	Vốn điều lệ	10 <sup>6</sup> đ	159.994	159.994
b	Các quỹ	10 <sup>6</sup> đ	22.248	23.073
c	Thặng dư vốn góp	10 <sup>6</sup> đ	100.029	100.029
d	LN còn lại chưa phân phối	10 <sup>6</sup> đ	9.465	1.829

5	Tỷ lệ LN trước thuế/VCSH	%	5.2	0.72
6	Tỷ lệ lợi nhuận/Doanh thu	%	1.72	0.47

### 3.2. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2016:

Đơn vị tính: đồng

TT	Các chỉ tiêu	Số tiền
1	Lợi nhuận trước thuế	2.056.587.708
-	Lợi nhuận chịu thuế TNDN	2.056.587.708
-	Lợi nhuận không chịu thuế TNDN	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	455.314.536
3	Lợi nhuận sau thuế	1.601.273.172
4	Trích lập các quỹ	320.254.634
-	Quỹ dự phòng tài chính (5%LNST)	80.063.629
-	Quỹ đầu tư phát triển (5% LNST)	80.063.629
-	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% LNST)	160.127.317
5	Lợi nhuận còn lại (3)-(4)	1.281.018.538
6	Lợi nhuận năm trước chuyển sang	227.991.793
7	Tổng Lợi nhuận phân phối (5)+(6)	1.509.010.331
8	Lợi nhuận chia cổ tức	-
9	Vốn điều lệ Công ty	159.993.560.000
10	Tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền	0%
11	Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối	1.509.010.331

- Do việc huy động vốn phục vụ SXKD rất khó khăn. Để bổ sung nguồn vốn hoạt động SXKD năm 2017 đảm bảo kế hoạch, HĐQT đề nghị ĐHCĐ cho phép Công ty không phân phối lợi nhuận mà chuyển toàn bộ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 1.509.010.331 đồng sang năm 2017 để Công ty có vốn phục vụ SXKD.

**4. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động 2016 và kế hoạch hoạt động năm 2017 của BKS.**

**5. Thông qua mức chi trả tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2016 và dự toán tổng mức thù lao HĐQT, BKS năm 2017:**

**5.1. Thông qua mức chi trả tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2016:**



- Dự toán tổng mức lương và thù lao của Thành viên HĐQT, BKS theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 là 1.134.000.000 đồng.
- Quyết toán lương, thù lao thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát là 576.000.000 đồng.

## 5.2. Thông qua tổng mức thù lao HĐQT, BKS năm 2017:

- Khi công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất, kinh doanh và lợi nhuận thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch, lương và thù lao của người quản lý như sau:

TT	Chức danh	Mức thù lao/tháng (đồng)	Mức lương/tháng (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT		27.000.000
2	Thành viên HĐQT chuyên trách		20.000.000
3	Tổng giám đốc		25.000.000
4	Thành viên HĐQT không chuyên trách	6.000.000	
5	Phó Tổng giám đốc		20.000.000
6	Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách		18.000.000
7	Kế toán trưởng		20.000.000
8	Thành viên BKS	3.000.000	

- Khi quyết toán lương, thù lao của người quản lý, Người đại diện của Tổng công ty thực hiện theo Điều 15 và Điều 16 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và quy định của Tổng Công ty tại Quyết định số 43/TCT-HĐTV ngày 29/03/2017 của Hội đồng thành viên Tổng công ty về việc phê duyệt và ban hành quy chế quản lý tiền lương, thù lao và tiền thưởng đối với Người đại diện của Tổng công ty Sông Đà tại doanh nghiệp.

## 6. Thông qua sửa đổi Điều lệ Công ty: Chi tiết sửa đổi Điều lệ Công ty kèm theo.

## 7. Công tác nhân sự năm 2017 thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ:

Bầu cử thành viên HĐQT và Ban kiểm soát nhiệm kỳ (2017-2022)

(Có danh sách nhân sự kèm theo).

## 8. Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo 2017:

Lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán An Việt Chi nhánh Hải Phòng là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 3 trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 thông qua.

**Nơi nhận:** *✓*

- Như trên;
- Các TV HĐQT, BKS;
- Ban TGD Công ty;
- Lưu: HĐQT, TCHC.

**Tổ trưởng người đại diện  
của Tổng công ty Sông Đà tại  
Công ty cổ phần Sông Đà 3**



**Nguyễn Văn Bình**